

Câu 1. Sản lượng điện tiêu dùng bình quân đầu người ở các nước Đông Nam Á thấp là do

- A. trữ năng thủy điện nhỏ, chậm đổi mới công nghệ.
- B. quy mô dân số đông, kinh tế còn chậm phát triển.
- C. thiếu vốn đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu.
- D. đời sống còn nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu thụ ít.

Câu 2. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực là do

- A. cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, phân bố dân cư chưa đều.
- B. cơ cấu dân số trẻ, lao động tập trung chủ yếu ở nông thôn.
- C. quy mô dân số đông, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm.
- D. quá trình chuyển cư chậm, tỷ lệ lao động có tay nghề thấp.

Câu 3. Để giảm bớt tình trạng di dân tự do vào các đô thị ở nước ta, giải pháp chủ yếu và lâu dài là

- A. xây dựng nông thôn mới, đa dạng hóa hoạt động kinh tế ở nông thôn.
- B. phát triển và mở rộng mạng lưới đô thị, đặc biệt là các thành phố lớn.
- C. phân bố lại dân cư và lao động, chuyên lao động từ thành thị về nông thôn.
- D. giảm tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ở nông thôn và khu vực miền núi.

Câu 4. Chăn nuôi gia súc chưa trở thành ngành chính ở nhiều nước Đông Nam Á là do

- A. năng suất đồng cỏ thấp, tay nghề lao động thấp.
- B. dân số đông, nguồn vốn đầu tư còn khá hạn chế.
- C. thiếu giống mới, có nhiều thiên tai, dịch bệnh.
- D. cơ sở vật chất lạc hậu, nhu cầu tiêu thụ ít.

Câu 5. Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là

- A. đẩy mạnh thâm canh lúa nước, sử dụng các giống mới.
- B. đa dạng hình thức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
- C. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.
- D. phát triển nông sản hàng hóa, thay đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Dân số Việt Nam, giai đoạn 2009 - 2020

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2009	2013	2017	2020
- Nam	42523	44365	46253	48594
- Nữ	43502	45395	47419	48989
- Thành thị	25585	28875	32814	35936
- Nông thôn	60440	60885	60858	61650

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2021)

Theo bảng số liệu trên, để thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số của nước ta, giai đoạn 2009 - 2020 thì loại biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ tròn.

Câu 7. Các đồng bằng lớn của khu vực Đông Nam Á biển đảo chỉ tập trung ở các đảo nào sau đây?

A. Xu-ma-tra, Ca-li-man-tan, Gia-va. B. Mindanao, Ca-li-man-tan, Luxôn.
C. Xu-ma-tra, Niu Ghi-nê, Xulavêdi. D. Ca-li-man-tan, Xu-ma-tra, Niu Ghi-nê.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận xét nào sau đây đúng về sự phân bố dân cư nước ta?

A. Mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Bắc Trung Bộ.
B. Mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Hồng.
C. Mật độ dân số khu vực biên giới phía Bắc cao hơn biên giới với Lào.
D. Mật độ dân số của Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn Tây Nguyên.

Câu 9. Sự phân hóa mưa trong mùa đông ở nước ta là do sự tác động của

A. gió mùa Đông Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.
B. gió mùa Đông Bắc và Tín phong bán cầu Bắc.
C. áp thấp nhiệt đới và Tín phong bán cầu Bắc.
D. gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam.

Câu 10. Lũ quét ở miền Trung nước ta thường xảy ra vào khoảng thời gian nào sau đây?

A. Các tháng VIII - X. B. Các tháng IX - XI.
C. Các tháng X - XII. D. Các tháng XI - I năm sau.

Câu 11. Vào đầu mùa hạ, gió Tây Nam (TBg) gặp Tín phong bán cầu Bắc tạo nên dải hội tụ nhiệt đới chạy theo hướng

A. vĩ tuyến. B. Đông-Tây. C. Tây bắc-đông nam. D. kinh tuyến.

Câu 12. Khi so sánh về địa hình hai miền: miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Tây Bắc và Bắc Trung Bộ thì nhận định nào sau đây **không đúng**?

A. Đồng bằng ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có diện tích rộng và phát triển nhanh hơn so với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
B. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ có hướng núi chủ yếu là vòng cung còn miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là hướng tây bắc-đông nam.
C. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nền địa hình cao hơn và chia cắt mạnh hơn so miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ.
D. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất chuyển tiếp giữa đồi núi và đồng bằng rõ nét hơn ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với địa hình vùng núi Đông Bắc?

A. Địa hình của vùng thấp dần từ phía tây bắc về đông nam.
B. Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp có độ cao trung bình 500-600m.
C. Dọc biên giới Việt-Trung là các khối núi đá vôi ở Hà Giang, Cao Bằng cao trên 1500m.
D. Các đỉnh núi cao trên 2000m nằm trên vùng Thượng nguồn sông Chảy.

Câu 14. Khí hậu ảnh hưởng chủ yếu đến đặc điểm nào sau đây của sông ngòi nước ta?

A. Lượng phù sa, lưu lượng nước, nhịp điệu dòng chảy trong năm.
B. Diện tích lưu vực, lưu lượng nước, chiều dài của dòng chảy.
C. Hướng chảy, lưu lượng nước, nhịp điệu dòng chảy trong năm.
D. Nhịp điệu dòng chảy trong năm, lượng phù sa, hướng chảy.

- Câu 15.** Về mùa hạ, ở phía Nam vùng núi Tây Bắc gió phơn hoạt động mạnh khi
- khối khí Bắc Ấn Độ Dương vượt qua hệ thống núi Tây Bắc.
 - áp thấp Bắc Bộ khơi sâu tạo sức hút với gió mùa Tây Nam.
 - khối khí Bắc Ấn Độ Dương vượt qua dãy núi Trường Sơn.
 - áp cao lục địa từ Trung Hoa vượt qua vùng núi Đông Bắc.
- Câu 16.** Nhận định nào sau đây **không đúng** về đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam?
- Sông chảy theo 2 hướng chính là tây bắc-đông nam và vòng cung, đều trực tiếp đổ ra biển Đông (trừ hệ thống sông Kì Cùng-Bằng Giang).
 - Mạng lưới sông ngòi dày đặc do địa hình chủ yếu là đồi núi, bị chia cắt cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều.
 - Phần lớn các sông là sông nhỏ, diện tích lưu vực dưới 500km² do lãnh thổ Việt Nam hẹp ngang và nằm sát biển.
 - Tổng lượng phù sa lớn, trên 200 triệu tấn/năm do phần lớn các sông bắt nguồn từ đồi núi, mưa nhiều và tập trung, sườn đồi núi dốc, xâm thực mạnh.
- Câu 17.** Đất feralit có mùn với đặc tính chua là loại đất đặc trưng của đai cao nào sau đây?
- Đai cận nhiệt gió mùa trên núi (độ cao 1600-1700m đến 2600m).
 - Đai cận nhiệt gió mùa trên núi (độ cao 600-700 đến 1600-1700m).
 - Đai ôn đới gió mùa trên núi.
 - Đai nhiệt đới gió mùa.
- Câu 18.** Nguyên nhân nào sau đây tạo nên sự đối lập về mùa mưa, mùa khô giữa vùng ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?
- Sự suy giảm ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc khi vào Nam.
 - Gió mùa Tây Nam và cấu trúc địa hình Trường Sơn Nam.
 - Hoàn lưu gió kết hợp với hướng địa hình Trường Sơn Nam.
 - Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam.
- Câu 19.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết mùa khô ở các trạm khí hậu nào sau đây ngắn nhất?
- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| A. Cần Thơ, Đà Lạt. | B. Cà Mau, Trường Sa. |
| C. Hoàng Sa, Đà Nẵng. | D. Nha Trang, Đồng Hới. |
- Câu 20.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết dạng địa hình chủ yếu nào sau đây thuộc đoạn bờ biển từ mũi Đại Lãnh đến mũi Dinh?
- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| A. Địa hình bờ biển bồi tụ. | B. Địa hình bờ biển bồi tụ-mài mòn. |
| C. Địa hình bờ biển có nhiều đảo. | D. Địa hình bờ biển mài mòn. |
- Câu 21.** Tuyến du lịch Đà Nẵng - Hội An - Mỹ Sơn thuộc vùng du lịch
- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A. Duyên hải Nam Trung Bộ. | B. Bắc Trung Bộ. |
| C. Bắc Bộ. | D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ. |
- Câu 22.** Mặt tích cực nhất của hoạt động ngoại thương nước ta trong những năm gần đây là
- | | |
|---|---------------------------------------|
| A. tỉ trọng mặt hàng qua chế biến tăng. | B. tổng giá trị xuất, nhập khẩu tăng. |
| C. thị trường quốc tế giữ được ổn định. | D. cán cân thương mại luôn xuất siêu. |
- Câu 23.** Diện tích đất trồng lúa của nước ta giảm, chủ yếu là do
- chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- B. chuyển đổi mục đích sử dụng đất và quá trình đô thị hóa ngày càng nhanh.
- C. chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và chú trọng phát triển công nghiệp.
- D. nhu cầu thị trường trong nước, quốc tế giảm và biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 24. Ở nước ta, hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh hơn hoạt động khai thác, chủ yếu là do

- A. sản phẩm nuôi có giá trị cao, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- B. chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản, người dân có nhiều kinh nghiệm.
- C. chủ động được đối tượng nuôi trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- D. có nhiều chính sách hỗ trợ, nhu cầu sản phẩm nuôi trồng cao hơn.

Câu 25. Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc sản xuất theo hướng hàng hóa trong chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Trình độ lao động được nâng cao.
- B. Nhu cầu thị trường tăng nhanh.
- C. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
- D. Cơ sở thức ăn được đảm bảo hơn.

Câu 26. Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành công nghiệp năng lượng của nước ta là

- A. nguồn lao động đông, cơ sở vật chất kỹ thuật dần hoàn thiện.
- B. nguồn tài nguyên dồi dào, nhu cầu thị trường ngày càng tăng.
- C. thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, khoa học công nghệ hiện đại.
- D. dầu mỏ có trữ lượng lớn, công nghệ khai thác càng tiên tiến.

Câu 27. Hạn chế lớn nhất trong phát triển vận tải đường sông ở nước ta là

- A. sông ngòi dày đặc, chế độ nước thất thường.
- B. lượng hàng hoá, số hành khách không nhiều.
- C. sông ngòi nhỏ, ngắn, dốc và nhiều thác ghềnh.
- D. chỉ phát triển ở sông Hồng và sông Cửu Long.

Câu 28. Việc cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng biển ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Thu hút đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm cho lao động.
- B. Hình thành các khu công nghiệp ven biển, phân bố lại dân cư.
- C. Mở rộng thị trường xuất khẩu, hình thành khu kinh tế ven biển.
- D. Nâng cao năng lực vận tải, mở cửa hơn nữa cho nền kinh tế.

Câu 29. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta

Năm	2012	2014	2016	2018	2020
Diện tích (nghìn ha)	3124,3	3116,5	3128,9	3102,8	3024,1
Sản lượng (nghìn tấn)	20291,9	20850,5	19646,6	20603,0	19878,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2021)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét đúng về tình hình sản xuất lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2012 – 2020 là

- A. năng suất lúa giảm từ 2014 đến 2020.
- B. diện tích lúa tăng liên tục.
- C. sản lượng lúa tăng liên tục.
- D. năng suất lúa giảm từ 2012 đến 2014.

Câu 30. Đặc điểm phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta là

- A. tập trung nhiều ở khu vực ven đô thị.
- B. tập trung nhiều ở khu vực nông thôn.
- C. nhiều ngành tập trung ở các đô thị lớn.
- D. mức độ tập trung cao theo lãnh thổ.

Câu 31. Việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và du lịch.
- B. Phát triển công nghiệp, cung cấp nước tưới trong vùng.
- C. Cung cấp nước vào mùa khô và nguồn điện cho cả nước.
- D. Cung cấp nguồn điện cho cả nước và phát triển du lịch.

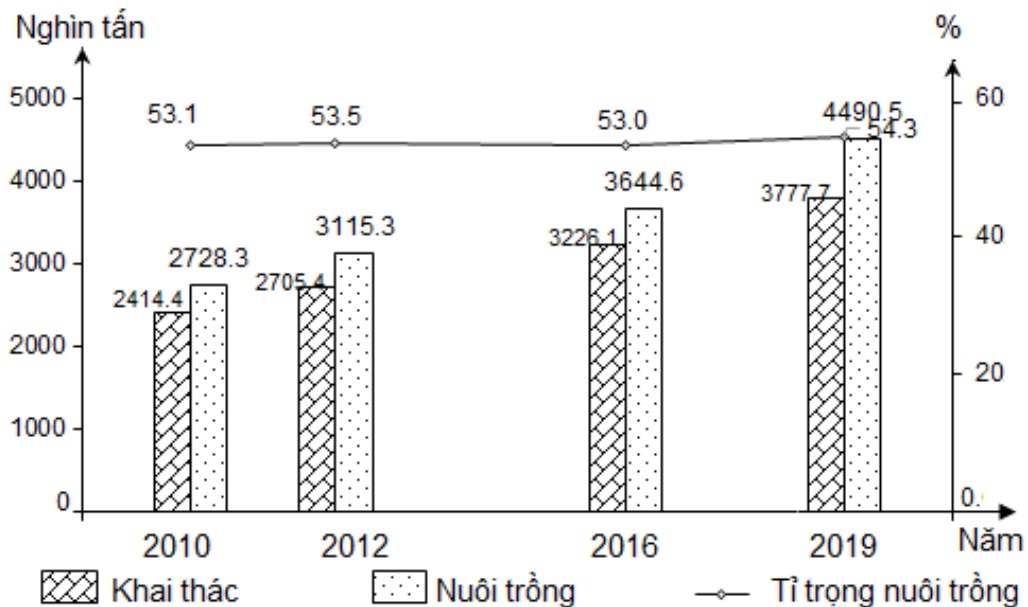
Câu 32. Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. quy hoạch lại vùng chuyên canh.
- B. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- C. mở rộng các thị trường tiêu thụ.
- D. đẩy mạnh khâu chế biến sản xuất.

Câu 33. Để nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc bộ thì cần phải

- A. thu hút nguồn lao động trên cả nước và phân bố lại dân cư của vùng.
- B. đẩy mạnh ứng dụng khoa học trồng trọt, phát triển hệ thống thủy lợi.
- C. tăng cường nguồn năng lượng và đa dạng hóa thị trường nước ngoài.
- D. sớm hoàn thiện mạng lưới công nghiệp chế biến và giao thông vận tải.

Câu 34. Cho biểu đồ về ngành thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 - 2019:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- C. Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- D. Quy mô sản lượng khai thác, nuôi trồng và tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng.

Câu 35. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung bộ là

- A. tạo thế mở cửa, thay đổi phân công lao động.
- B. tăng cường vai trò trung chuyển của vùng.
- C. đẩy mạnh sự giao lưu, hợp tác giữa các tỉnh.
- D. tăng cường quan hệ với các nước láng giềng.

Câu 36. Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. góp phần hiện đại hoá sản xuất và bảo vệ môi trường.
- B. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- C. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
- D. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

Câu 37. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

- A. hạn chế suy giảm nguồn lợi, tạo ra nguyên liệu chế biến.
- B. tạo nhiều hàng hoá, thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- C. phát huy các lợi thế về tự nhiên, giải quyết thêm việc làm.
- D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải tạo môi trường.

Câu 38. Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao hơn vị trí của vùng Đông Nam Bộ như là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước?

- A. Phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu.
- B. Phát triển thủy lợi và thay đổi cơ cấu cây trồng.
- C. Ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.
- D. Phát triển thủy lợi và công nghiệp chế biến.

Câu 39. Đồng bằng sông Hồng cần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành để

- A. khai thác tốt các nguồn lực dân cư và nguồn lao động có chất lượng cao.
- B. phát huy lợi thế về vị trí địa lí và cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. khai thác thế mạnh vốn có của vùng và phát huy vai trò đầu tàu kinh tế.
- D. khai thác tốt tiềm năng về du lịch và thúc đẩy ngành dịch vụ phát triển.

Câu 40. Hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa có ý nghĩa đối với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ nước ta là

- A. hệ thống tiền tiêu để bảo vệ và cơ sở để khẳng định chủ quyền lãnh thổ.
- B. cơ sở để khẳng định chủ quyền lãnh thổ và phát triển đánh bắt hải sản.
- C. cơ sở để khẳng định chủ quyền lãnh thổ và phát triển du lịch biển đảo.
- D. hệ thống tiền tiêu để bảo vệ lãnh thổ và giữ vững an ninh, an toàn hàng hải.

----- HẾT -----

- Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, máy tính cầm tay để làm bài.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh: